

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều chỉnh chỉ tiêu biên chế của các cơ quan hành chính  
và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1965/QĐ-UBND và Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án và thành lập Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án thành lập Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các huyện, thành phố Long Khánh trực thuộc UBND các huyện, thành phố Long Khánh;

Căn cứ Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án thành lập Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3001/SNN-TCCB ngày 31/7/2019, Công văn số 3084/SNN-TCCB ngày 07/8/2019 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2740/TTr-SNV ngày 16/8/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh chỉ tiêu biên chế của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (cụ thể theo Phụ lục đính kèm). Sau khi điều chỉnh, thu hồi 01 chỉ tiêu biên chế viên chức.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm điều chỉnh kinh phí theo số lượng nêu trên cho các đơn vị theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2019 và điều chỉnh Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân bổ biên chế, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2019.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan quy định tại Điều 1 và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

E/V.Hài/8.2019



**CHỦ TỊCH**

**Đình Quốc Thái**



Phụ lục

**DIỆN CHINH CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số 2638/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên đơn vị	Số người làm việc đang phân bổ				Số người làm việc sau khi điều chỉnh				Tăng (+) giảm (-) so với số đang phân bổ			
		Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Trong đó			
		Viên chức	HD theo ND 68		Viên chức	HD theo ND 68		Viên chức	HD theo ND 68	Viên chức	HD theo ND 68		
<b>I CƠ QUAN HÀNH CHÍNH</b>													
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	295	273	22	452	417	35	297	273	24	0	0	2
2	UBND huyện Định Quán	157	144	13	155	144	11	155	144	11	-2	0	-2
<b>II ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP</b>													
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	134	127	7	64	61	3	64	61	3	-70	-66	-4
	Các Trạm thuộc Chi cục Thủy sản	10	7	3	0	0	0	0	0	0	-10	-7	-3
	Các Trạm thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	34	34	0	0	0	0	0	0	0	-34	-34	0
	Trung tâm Khuyến nông	56	55	1	0	0	0	0	0	0	-56	-55	-1
	Trung tâm Lâm nghiệp Biên Hòa	17	16	1	0	0	0	0	0	0	-17	-16	-1
	Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	17	15	2	0	0	0	0	0	0	-17	-15	-2
*	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh	0	0	0	64	61	3	64	61	3	64	61	3
2	UBND thành phố Long Khánh	0	0	0	5	5	0	5	5	0	5	5	0
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0	0	0	5	5	0	5	5	0	5	5	0
3	UBND huyện Cẩm Mỹ	0	0	0	6	6	0	6	6	0	6	6	0
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0	0	0	6	6	0	6	6	0	6	6	0

STT	Tên đơn vị	Số người làm việc đang phân bổ				Số người làm việc sau khi điều chỉnh				Tăng (+) giảm (-) so với số đang phân bổ			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
			Viên chức	HD theo ND 68		Viên chức	HD theo ND 68		Viên chức	HD theo ND 68			
4	UBND huyện Định Quán	44	36	8	53	42	11	9	6	3			
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0	0	0	7	7	0	7	7	0			
	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	44	36	8	46	35	11	2	-1	3			
5	UBND huyện Long Thành	0	0	0	7	7	0	7	7	0			
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0	0	0	7	7	0	7	7	0			
6	UBND huyện Nhơn Trạch	0	0	0	7	6	1	7	6	1			
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0	0	0	7	6	1	7	6	1			
7	UBND huyện Tân Phú	0	0	0	8	8	0	8	8	0			
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0	0	0	8	8	0	8	8	0			
8	UBND huyện Thống Nhất	0	0	0	6	6	0	6	6	0			
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0	0	0	6	6	0	6	6	0			
9	UBND huyện Trảng Bom	0	0	0	7	7	0	7	7	0			
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0	0	0	7	7	0	7	7	0			
10	UBND huyện Vĩnh Cửu	0	0	0	8	8	0	8	8	0			
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0	0	0	8	8	0	8	8	0			
11	UBND huyện Xuân Lộc	0	0	0	6	6	0	6	6	0			
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0	0	0	6	6	0	6	6	0			